TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH H

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2023/HNGĐ-ST
Ngày 16/6/2023
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Văn T1
Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị T2. Nguyên phó chủ tịch hội phụ nữ huyện
Bà Lê Quang T3 - Phó giám đốc VHTTDL
Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị H1 – Thư ký Toà án nhân dân huyện K.
Đại diện VKSND huyện K: Bà Đặng Thị H2 - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 16 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2023/TLST– HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp "Hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2023/HNGĐ-QĐXX ngày 24/5/2023; Quyết định hoãn phiên toà số 22/2023/HNGĐ-QĐ ngày 09/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh H giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1994. (có mặt)
Bị đơn:Chị Bùi Thị H1, sinh năm 1998. (vắng mặt)
Đều HKTT, TT: thôn Y, xã V, huyện K, tỉnh H.
Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan
1. Cháu Phạm Linh C, sinh ngày 27/4/2015.
2. Cháu Phạm Bảo N sinh ngày 10/12/2017. (đều vắng mặt)
Người giám hộ cho cháu C, N là anh Phạm Văn T bố đẻ cháu
Đều ĐKHKTT, TT: Thôn Y, xã V, huyện K, tỉnh H.
Người làm chứng:
1. Bà Đỗ Thị T4, sinh năm 1979. (vắng mặt)
ĐKHKTT, TT: Thôn C1, xã H2, huyện K, tỉnh H.
2. Ông Phạm Văn 5, sinh năm 1967. (vắng mặt)
ĐKHKTT: Thôn Y, xã V, huyện K, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai của anh Phạm Văn T trình bày tại Toà án như sau:

Vào năm 2016 anh có kết hôn với chị Bùi Thị H1, sinh năm 1998 là người thôn C1, xã H2, huyện K, tỉnh H. Anh và chị H1 được tự do tìm hiểu nhau, tìm hiểu nhau trong khoảng thời gian hơn 1 năm. Sau đó anh chị có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã V, huyện K, tỉnh H vào ngày 23/12/2016, có tổ chức đám cưới hỏi theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn thì chị H1 đã chuyển khẩu về nhà anh sinh sống tại thôn Y, xã V, huyện K, tỉnh H.

Trong quá trình chung sống, anh chị chung sống, sống hạnh phúc bình thường sau đó xảy ra phát sinh mâu thuẫn trầm trọng.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống cũng như tính cách, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không có sự tin tưởng nhau vợ chồng có sự ghen tuông vô cớ. Nên từ tháng 3 năm 2020 anh và chị H1 đã sống ly thân nhau cho đến nay. Anh cũng đã nhiều lần chủ động hoà giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị H1 nhất quyết không chịu về nhà để đoàn tụ vợ chồng và nói sẽ ly hôn với anh.

Trong thời gian sống ly thân anh, chị không quan tâm gì đến nhau.

Khi biết chuyện mâu thuẫn của vợ chồng anh, chị thì gia đình hai bên nội ngoại có động viên để hàn gắn cho hai vợ chồng anh chị nhưng chị H1 cũng không quan tâm và nói sẽ ly hôn với anh.

Nay anh xác định không còn tình cảm với chị H1 nữa nên đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn để anh sớm ổn định cuộc sống vì anh rất mệt mỏi với cuộc hôn nhân này.

Về con chung: Anh Phạm Văn T và chị Bùi Thị H1 có 02 con chung tên là Phạm Linh C, sinh ngày 27/4/2015 và cháu Phạm Bảo N sinh ngày 10/12/2017, hiện nay các cháu đang ở với anh và ông bà nội. Nếu ly hôn anh đề nghị Toà án giải quyết giao cháu C cho anh trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi, giao cháu N cho chị H1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu N cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Anh không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng đất canh tác nông nghiệp 03: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án Toà án đã nhiều lần triệu tập chị H1 đến Toà án để làm việc tuy nhiên chị H1 đều không đến Toà án theo giấy triệu tập, đến ngày 22/5/2023 Toà án đã đến nhà bố mẹ đẻ của chị H1 để lấy lời khai của người làm chứng, tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho mẹ đẻ của chị H1 là bà Đỗ Thị

T4, Toà án đã tống đạt hợp lệ thông báo hòa giải và giấy triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng chị H1 đều vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Nên vụ án được đưa ra xét xử vắng mặt chị H1 theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà hôm nay:

Nguyên đơn anh Phạm Văn T có mặt tại Toà án và đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H1 và giải quyết về con chung, anh xin được tiếp tục nhận nuôi 02 con chung cho đến khi các cháu trưởng thành.

Bị đơn chị Bùi Thị H1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà không có lý do chính đáng nên vụ án được đưa ra xét xử vắng mặt chị H1 theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng, Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự, đã xác định chính xác mối quan hệ có tranh chấp, ra thông báo thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, đúng thời gian quy định. Việc thu thập chứng cứ đảm bảo tính khách quan, hợp pháp. Thẩm phán xác định đúng tư cách pháp lý của các chủ thể để đưa họ vào tham gia tố tụng. Việc cấp, tống đạt các quyết định đến các đương sự đảm bảo đúng thời hạn. Toà án thực hiện việc chuyển hồ sơ đến Viện kiểm sát đúng thời hạn luật định; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về nguyên tắc xét xử, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của những người tham gia tố tụng và không thuộc trường hợp phải thay đổi theo quy định tại Điều 53, Điều 226 Bộ luật Tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về tố tụng. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật vì không đến Tòa án theo giấy triệu tập. Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 57, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH1 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường Vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Toà án. Đề nghị hội đồng xét xử xử cho anh Phạm Văn T được ly hôn với chị Bùi Thị H1 về con chung giao cháu Phạm Linh C, sinh ngày 27/4/2015 và cháu Phạm Bảo N sinh ngày 10/12/2017 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục, về cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét giải quyết vì anh T không có yêu cầu. Về tài sản chung, công nợ ruộng đất nông nghiệp 03 của anh T, chị H1 thì không đặt ra giải quyết trong vụ án ly hôn này, khi nào anh T, chị H1 có yêu cầu sẽ xem xét bằng một vụ kiện dân sự khác; nguyên đơn là chị Phạm Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra, tranh luận công khai tại phiên toà ngày hôn nay cũng như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử xét thấy:

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt không có lý do, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2016 anh Phạm Văn T và chị Bùi Thị H1 có kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã V vào ngày 23/12/2016 đã xác lập quan hệ vợ cH1.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Căn cứ vào lời khai của anh T lời khai của người làm chứng, biên bản xác minh tại chính quyền địa phương đều thể hiện: Sau khi kết hôn thì anh T, chị H1 sinh sống và làm ăn tại thôn Y, xã V, huyện K, tỉnh H. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng anh chị chung sống, sống hạnh phúc bình thường sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng bất đồng quan điểm sống cũng như tính cách nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Chị H1 và anh T đã sống ly thân được 02 năm nay, trong thời gian sống ly thân vợ chồng không quan tâm, hỏi thăm nhau hay liên hệ gì đến nhau.

Từ những căn cứ nêu trên xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Phạm Văn T và chị Bùi Thị H1 đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho anh Phạm Văn T được ly hôn với chị Bùi Thị H1 để cả hai sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh Phạm Văn T và chị Bùi Thị H1 có 02 con chung là cháu Phạm Linh C, sinh ngày 27/4/2015 và cháu Phạm Bảo N sinh ngày 10/12/2017.

Xét thấy, anh T có quan điểm xin được nuôi con. Xét nguyện vọng xin nuôi con của anh là hoàn T chính đáng, mục đích chung là muốn cho con phát triển tốt về mọi mặt. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành triệu tập chị H1 đến để làm việc tuy nhiên chị H1 không có mặt, trong quá trình thu thập xác minh thì cho thấy cháu C, cháu N sống với bố và ông bà nội từ bé, mặt khác cháu C cũng có quan điểm được ở với bố và ông bà nội. Do vậy, cần tiếp tục giao cháu Phạm Linh C, sinh ngày 27/4/2015 và cháu Phạm Bảo N sinh ngày 10/12/2017 cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, sau này nếu có yêu cầu của chị H1 về việc nuôi con thì sẽ xem xét bằng vụ kiện thay đổi người nuôi con. Việc đóng góp phí tổn nuôi con không đặt ra xem xét vì anh T không có yêu cầu.

Về tài sản chung, công nợ chung, đất ruộng nông nghiệp và công sức đóng góp đối với hai bên gia đình: Anh Phạm Văn T không yêu cầu xem xét, chị Bùi Thị H1 không có mặt khi Toà án triệu tập nên không có quan điểm nên không xem xét giải quyết trong vụ án này. Khi nào anh Phạm Văn T và chị Bùi Thị H1 có yêu cầu sẽ làm đơn khởi kiện để xem xét giải quyết ở vụ án dân sự khác.

Về án phí: Nguyên đơn anh Phạm Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phạm Văn T được ly hôn với chị Bùi Thị H1.

Về con chung: Giao cháu Phạm Linh C, sinh ngày 27/4/2015 và cháu Phạm Bảo N sinh ngày 10/12/2017 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu C, N đủ 18 tuổi. Việc đóng góp phí tổn nuôi con không đặt ra. Sau khi ly hôn chị Bùi Thị H1 được quyền thăm nom, chăm sóc và được quyền xin thay đổi việc nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ chung, đất ruộng nông nghiệp 03 và công sức đóng góp đối với hai bên gia đình: Không đặt ra xem xét, khi nào anh Phạm Văn T và chị Bùi Thị H1 có yêu cầu sẽ làm đơn khởi kiện để xem xét giải quyết ở vụ án dân sự khác.

Về án phí: Anh Phạm Văn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà anh Phạm Văn T đã nộp đã nộp theo biên lai số 0008236 ngày 25/4/2023, tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K (anh T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm).

Về quyền kháng cáo*:* Án xét xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản sao bản án tại địa phương nơi người vắng mặt cư trú./.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :

- VKSND cùng cấp;

- Các đương sự;

- Chi cục THADS K/C;

- UBND xã V; H2

- Phòng KTNV-THA;

- Lưu hồ sơ.

Bùi Văn T1